

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỐN NGUYỆN KINH

Tập 2

Chủ giảng: Pháp Sư Tịnh Không

Thời gian: Tháng 5 năm 1998

Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội Singapore

Hôm qua giảng đến “đề kinh”, giới thiệu xong Địa Tạng Bồ Tát, hôm nay chúng ta giới thiệu tiếp về bốn nguyện. Đề mục đối với sự tu học của chúng ta có quan hệ rất lớn, nhất định phải lý giải thật rõ ràng. Rất nhiều đồng học không thể nói họ không dụng công, không thể nói họ không tinh tấn, tại sao không thể thành tựu? Thật sự là vì đối với kho báu tâm địa không có khả năng chân chánh để nhận thức rõ ràng. Thời xưa người thế gian bất luận là làm một nghề gì, đặc biệt là người đọc sách, Phật pháp cũng không ngoại lệ; trong thế pháp coi trọng việc lập chí, nếu một người không có chí hướng, cả đời của họ phấn đấu nỗ lực nhưng không có mục tiêu, đương nhiên sẽ không có kết quả. Phật pháp nói về phát nguyện, ý nghĩa của phát nguyện giống như việc lập chí của người thế gian, nhất định phải phát đại thế nguyện. Tại sao chúng ta phát nguyện không được? Đạo lý này cũng không khó hiểu. Ở trong kinh Phật thường lấy thí dụ, thí dụ như thực vật, tại sao hạt giống không thể nảy mầm, không thể sanh trưởng? Vì hạt giống này không được gieo ở trên đất. Chúng ta để hạt giống ở trên bàn, đặt trong tách trà, thì nó vĩnh viễn sẽ không nảy mầm, không lớn lên. Thế nên nguyện nhất định phải có chỗ nương tựa, nương tựa cái gì? Nương tựa vào đại địa, nương vào tâm địa. Tâm địa không sáng tỏ, nguyện làm sao có thể sanh ra được? Nhất định có đạo lý. Cây cối nhất định phải nương vào đại địa nó mới có thể mọc rễ, mới có thể mập mạp, ra hoa kết trái.

Đại nguyện của chư Phật, Bồ Tát đều là xây dựng từ trên tâm địa, thế nên hai chữ “Địa Tạng” rất quan trọng. Tại sao nói tu học Đại thừa phải bắt đầu từ Địa Tạng? Tâm nguyện của bạn được kiến lập từ Địa Tạng, hạnh của bạn cũng kiến lập từ Địa Tạng. Trong tâm địa hàm chứa vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tài nghệ, thì bạn mới có thể phát huy được. Nếu không rõ tâm địa vốn sẵn đủ kho báu đức năng, dù cho bạn khổ tu như thế nào cũng sẽ không thành tựu. Nguyện là hạt giống, chỗ này nói nguyện là hạt giống. Trong kinh Hoa Nghiêm ví tín tâm như hạt giống, cũng rất có đạo lý. Bạn không tin, vậy thì nguyện của bạn sanh từ đâu?

Nguyện xung là bốn nguyện, hôm trước có nói sơ lược với quý vị. “Bốn” có hai ý nghĩa: Từ trên sự mà nói thì vô lượng kiếp vừa qua, đời đời kiếp kiếp đều đã phát cái nguyện này, phát nguyện này tại sao vẫn không thành tựu? Nguyện đã phát rồi, nhưng không phải phát từ trên tâm địa, không phải phát từ trong chân tâm bốn tánh. Phát từ đâu? Phát từ trong tâm ý thức, phát từ vọng tâm; vọng tâm là tâm sanh diệt cho nên nguyện ấy của bạn sẽ diệt. Nếu như phát từ trong chân tâm thì nguyện ấy sẽ chẳng diệt, chân tâm không sanh không diệt, nguyện này khi đã phát rồi sẽ không thoái chuyển; phát từ vọng tâm sẽ thoái chuyển. Duyên tiêu mất rồi thì nguyện sẽ không còn nữa, đời này lại đầu thai đến cõi người, lại gặp được Phật pháp, tâm nguyện trước đây được khơi gọi trở lại, là chuyện như vậy, thế nên gọi là Bốn Nguyện, ý này cạn cợt.

Ý nghĩa sâu thêm một tầng, bốn chính là chân như bốn tánh, từ chân như bốn tánh phát đại nguyện thì gọi là bốn nguyện. Chư vị nên biết nếu thật sự là phát đại nguyện từ chân như bốn tánh, thì bạn không phải là phàm phu, mà là Pháp thân Đại sĩ như trong kinh Hoa Nghiêm nói. Vì bạn biết dùng chân tâm, dùng vọng tâm là phàm phu, dùng chân tâm là Bồ Tát. Các bạn đều đã học qua *Bách Pháp Minh Môn*, một khóa học trong Pháp Tướng Duy Thức nhập môn. Trong *Bách Pháp Minh Môn* nói cho bạn: “*Đồng sanh tánh, dị sanh tánh*”, ý nghĩa của hai điều này đều là nói về chữ “bốn”. Dị sanh tánh tức là dùng vọng tâm, dị tức là không giống nhau, cùng chư Phật, Bồ Tát không giống nhau, dùng tâm khác nhau; Phật, Bồ Tát dùng chân tâm, bạn dùng vọng tâm, bạn khác với Phật, Bồ Tát nên gọi là dị sanh tánh. Những người nào là dị sanh tánh? Thập pháp giới đều là dị sanh tánh. Đừng nói lục đạo phàm phu, [ngay cả] Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát và Phật trong thập pháp giới, Tạng Giáo Phật và Thông Giáo Phật nói trong tông Thiên Thai đều là dị sanh tánh.

Những ai là đồng sanh tánh? Đồng sanh tánh là dùng chân tâm giống như chư Phật Như Lai. Nếu như dùng lời của Tướng tông để nói thì: “*Chuyển tám thức thành bốn trí*”, đây tức là dùng chân tâm, đó chính là đồng sanh tánh. Đồng là tương đồng với chư Phật Như Lai, dùng tâm giống với tâm Phật, dùng chân tâm. Tâm Phật ví như trăng tròn ngày rằm, nếu bạn biết dùng đồng sanh tánh thì bạn cũng ví như trăng khuyết ngày mồng hai, mồng ba. Trăng khuyết tuy không giống với trăng tròn, nhưng đều là chân thật, đều là ánh trăng thật sự, không phải giả. Dị sanh tánh, người xưa ví nó như ánh trăng trên mặt nước, là hình bóng của mặt trăng, đó gọi là dị sanh tánh, nó không giống nhau, không phải thật. Tuy là trăng khuyết, như Sơ trụ Bồ Tát, Thập trụ Bồ Tát đúng là giống như trăng khuyết, đến Thập hạnh, Thập hồi

hương, Thập địa, dần dần tăng thêm ánh sáng, đến quả địa Như Lai thì chính là trăng tròn, tất cả đều dùng chân tâm. Xây dựng lòng tin từ trong chân tâm, từ chân tâm phát ra đại nguyện, đây chính là bản nguyện. Cổ đức nói nguyện lực như vậy vượt qua được khảo nghiệm, mưa to gió lớn gì họ cũng sẽ không lay động; bất luận thuận cảnh, nghịch cảnh như thế nào họ nhất định sẽ không bị cảnh giới lay động. Tại sao vậy? Nguyện đó của họ là từ chân tâm phát ra, là nương dựa vào chân tâm. Nếu không dựa vào chân tâm, mà nguyện phát từ vọng tâm, nguyện lực ấy không mạnh, nguyện lực rất yếu, rất dễ bị cảnh giới xoay chuyển, rất dễ mê mất phương hướng, việc này chúng ta nhất định phải biết.

Chân tâm cũng giống như đại địa, trí tuệ đức năng vốn sẵn có đầy đủ trong chân tâm được ví như rễ cây, lập nguyện chính là gốc. Sau đó sự hành trì của bạn, chúng ta gọi là khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác ví như cành cây, nhánh cây, hoa lá, quả trái, tự nhiên sẽ sum xuê, thế nên nguyện phải từ trong chân tâm phát ra. Tuyệt đối phải khẳng định kho báu trong tâm địa của mình, cùng thập phương chư Phật Như Lai không hai không khác, bạn phải khẳng định. Từ chỗ này kiến lập lòng tin, từ chỗ này phát ra đại nguyện. Tuy chúng ta ở trong kinh giáo biết được chuyện này, nhưng trong đời sống vọng tâm vẫn làm chủ như thường, một vọng thì hết thấy đều vọng, không thể nói tâm tôi phát, nguyện tôi phát là chân thật, những thứ khác trong sinh hoạt là vọng, không có đạo lý này, một chân thì hết thấy đều chân, một vọng thì hết thấy đều vọng. Do đó có thể biết chúng ta trong đời sống hằng ngày phải đem tập khí hư vọng sửa đổi lại, nếu không dụng công ở những chỗ này thì không gọi là tu hành, đó là giả, giả tu chứ chẳng phải chân tu. Chân tu không phải chỉ có trong Tông môn mới chú trọng đề xướng tu từ căn bản, cho nên Thiên tông thành tựu nhanh chóng, căn bản là tâm địa, Giáo hạ đâu có lý nào ngoại lệ, Tịnh tông cũng không ngoại lệ. Tịnh tông nếu như dùng chân tâm tu, vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, sanh đến *Thật báo trang nghiêm độ*, sẽ không sanh *Phương tiện hữu dư độ*, *Phàm thánh đồng cư độ*, sẽ không như vậy. Nhưng Tịnh tông đích thực là một pháp môn phương tiện, bất cứ tông phái khác, bất cứ pháp môn khác, nếu không dùng chân tâm thì quyết định không thể thành tựu. Nhưng lợi điểm của Tịnh độ tông là ở chỗ này, vọng tâm cũng có thể sanh *Phàm thánh đồng cư độ*, việc này đã mang lại cho chúng ta tiện lợi rất lớn. Những người chưa đoạn dứt phiền não tập khí, nếu như có thể y chiếu theo đạo lý phương pháp được nói trong kinh luận của Tịnh tông mà tu học cũng có thể thành công, cũng có thể vãng sanh, đây là điểm vô cùng thù thắng của Tịnh độ.

Thế nên phát nguyện, bạn căn cứ vào gì để phát, bạn phát ra từ đâu? Chúng ta không thể không biết. Chúng ta lại nói thực hiện trên sự tướng, mà trong sự tướng có thông, có biệt. Thông nghĩa là cùng chung, đại nguyện chung của hết thầy chư Phật, Bồ Tát, đây chính là “Tứ hoằng thệ nguyện”, Tứ hoằng thệ nguyện là “thông nguyện”. Nguyện này xây dựng từ đâu? Phát ra từ đâu? Là từ bát-nhã và từ bi trong tự tánh, nếu bạn không có trí tuệ thì bạn phát không được, không có từ bi cũng phát không được. Bởi vì có trí tuệ, có từ bi, khi nhìn thấy chúng sanh khổ, đặc biệt là chúng sanh trong lục đạo, từ vô lượng kiếp đến nay đọa lạc, lưu chuyển trong sáu đường, không có cách gì ra khỏi. Phật, Bồ Tát nhìn thấy cho nên phát nguyện “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”, nguyện ấy là từ chỗ này phát. Trong Tứ đế thì y theo Khổ đế mà phát, chúng ta phát nguyện có y theo điều này hay không? Chúng sanh thời nay khổ hơn thời xưa không biết là gấp bao nhiêu lần. Những người chưa giác ngộ, tâm tư của họ ngu muội, quán sát thế pháp đều hàm hồ lộn xộn, nhìn không rõ ràng. Khoa học kỹ thuật chỉ đem lại cho chúng ta một số tiện nghi trong sinh hoạt, Ngày nay âm thanh, ánh sáng, hóa chất, điện lưới thời xưa không có, nhưng bạn có nghĩ đến những tiện nghi mà chúng ta hưởng được từ khoa học kỹ thuật, chúng ta phải trả cái giá bao lớn! Nếu bạn tư duy kỹ càng thì giống như lời người xưa nói: Cái được không bù nổi cái mất. Chúng ta đạt được sự thọ dụng rất ít, thời gian rất ngắn ngủi, chúng ta phải trả với giá quá đắt rồi, không thể so sánh được. Nói cách khác, chúng ta nói rõ ràng hơn một chút, sáng tỏ một chút là làm cho thời gian chịu khổ trong lục đạo của chúng ta kéo dài hơn, tăng thêm đau khổ trong lục đạo, bạn nói có đáng hay không? Tại sao lại có hiện tượng này? Đời sống văn minh vật chất này tăng trưởng *tham, sân, si, mạn* của chúng ta, không sánh bằng thời xưa; người thời xưa những ý niệm thông thường như *tham, sân, si, mạn* cũng có nhưng ít hơn hiện nay. Nói cách khác, thời gian luân hồi của họ có thể rút ngắn, chịu khổ trong lục đạo có thể giảm nhẹ, ngày nay chúng ta không như vậy. Không cần nói chi xa, chỉ nửa thế kỷ về trước thôi đâu có nghe người ta nói địa cầu bị bệnh, hoàn cảnh sinh thái không cân bằng, không có nghe nói qua; không khí ô nhiễm, hoàn cảnh ô nhiễm cũng không nghe nói qua. Năm mươi năm trước, một trăm năm trước không có! Đâu có những danh từ này.

Hiện nay khoa học kỹ thuật tiến bộ, có thể nói là thay đổi từng ngày, nhưng đem lại tai hại, chính họ chưa có nghĩ đến. Nếu như những khoa học gia này bỗng nhiên giác ngộ tai hại của mặt trái này quá lớn, tôi nghĩ họ sẽ chấm dứt những khoa học kỹ thuật này, không phát triển thêm, không chế tạo thêm nữa. Một người đầu óc rất sáng suốt, rất bình tĩnh thì mới có thể quan sát ra được. Thế nên chúng sanh khổ, văn minh vật chất tuy là tiến bộ, đời sống của chúng sanh còn khổ hơn so với lúc trước. Trên phương diện hưởng

thụ vật chất có một số tiện nghi, nhưng đau khổ trên tinh thần ai ai cũng không thể tránh khỏi. Ngày nay quý vị ở trong cái xã hội này, quý vị có rất nhiều của cải, có địa vị rất cao vẫn không thể tránh khỏi [đau khổ về mặt tinh thần]; đâu được sống nhàn nhã tự tại như người thời xưa! Chúng ta đọc trong cổ văn rất nhiều, những người làm quan thời xưa, làm người đứng đầu địa phương, công việc của người lãnh đạo không bận lắm, mỗi ngày làm một hai giờ thì xong công việc rồi, thời gian còn lại thì đọc sách, viết văn, vẽ tranh, đi du sơn ngoạn thủy, sống cuộc đời tình thơ ý họa. Đâu giống như con người ngày nay! phải tranh thủ từng giây từng phút, đời sống này có gì hơn đâu? Sao khẩn trương như vậy, đau khổ như vậy! Hiểu rõ chân tướng sự thật thì còn mong muốn đầu thai đến nhân gian hay không? Họ sẽ không đến nữa. Người giác ngộ chỉ có Phật và Bồ Tát đến, đến để cứu độ những chúng sanh khổ nạn này, nói thật ra, nguyện này trong *Tứ hoằng thế nguyện*, mới gọi là bốn nguyện chân chánh.

Muốn phát nguyện độ chúng sanh, tự mình nhất định phải làm gương mẫu, làm mô phạm cho chúng sanh, đó chính là đức hạnh. Tại sao chúng sanh thọ khổ? Bởi vì phiền não chẳng đoạn, *Kiến Tư phiền não* ngày càng gia tăng, ngày càng lớn mạnh, quả báo của việc này sẽ không thể nghĩ bàn. Thế nên Phật, Bồ Tát phải làm một tấm gương tốt, đoạn phiền não. Người thế gian phạm lỗi lầm, không hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sanh, tăng trưởng tham, sân, si, mạn, không từ bỏ bất cứ thủ đoạn nào để làm những chuyện hại người lợi mình, không biết định luật nhân quả. Người thế gian thường nói “hại người lợi mình”, thật ra lời này là sai lầm, vẫn chưa hiểu rõ chân tướng sự thật; nếu hiểu rõ ràng chân tướng sự thật thì chúng ta biết được hại người chắc chắn sẽ chẳng lợi mình, không có đạo lý này, chỉ có lợi người thì mới lợi mình, đấy mới là đạo lý nhất định. Làm tổn hại cho người, sao có thể lợi mình? Nhưng họ mê hoặc điên đảo, cứ tưởng lợi ích của mình nhất định phải xây dựng trên sự tổn thất của người khác, như vậy mình mới được lợi, đây là vọng tưởng, đây là tạo tội nghiệp cực nặng. Thế nên chúng ta phải phổ biến “*Liễu Phàm Tứ Huấn*” giúp cho những người có nhiều ý niệm sai lầm này. Sau đó họ sẽ hiểu được mỗi một chúng sanh “*một miếng ăn, một hớp nước không gì không định trước*”, nếu bạn dùng thủ đoạn không chính đáng để đoạt lấy thì đó là trong số mạng của bạn vốn đã có. Nếu trong số mạng của bạn không có, bạn thử xem sao. Bạn đi giật, giật của người ta, bạn xem thử bạn có thể giật được hay không? Nếu trong mạng của bạn không có thì chưa kịp ra tay đã bị cảnh sát bắt rồi. Hay nói cách khác những gì bạn có thể trộm được, có thể cướp được, hoặc chiếm được đều là trong số mạng đã có, không cần dùng những thủ đoạn này cũng có được, bạn sao phải cực khổ như vậy? Thế nên người sáng suốt thường nói: “*Quân tử vui làm người quân tử, tiểu nhân oán trách làm*

tiểu nhân”, câu này chính là nói phước báo cả đời của bạn là do đời trước tu được, trong số mạng của bạn có phước báo này, bất kỳ sức mạnh nào cũng không ngăn cản được, bạn nhất định sẽ được, nhất định sẽ không mất đi, đâu cần dùng những thủ đoạn không chính đáng này, làm vậy là sai rồi!

Phật, Bồ Tát ở thế gian thị hiện làm tấm gương tốt nhất cho chúng sanh, Các bạn dùng thủ đoạn không chính đáng để đạt được, các Ngài dùng phương pháp chính đáng cũng đạt được. Tại sao phải làm những chuyện hại mình hại người này! Tại sao không làm nhiều những chuyện lợi mình lợi người? Phật, Bồ Tát làm như vậy nên mới có nguyện thứ hai: *“Phiên não vô tận thế nguyện đoạn”*. Quan trọng nhất là đoạn cho người khác thấy, nhất định phải làm một tấm gương tốt cho xã hội đại chúng, xây dựng đức hạnh của mình mới có thể được quảng đại quần chúng trong xã hội kính ngưỡng. Bạn có đạo đức thì họ mới chịu học theo bạn, khi bạn khuyên răn thì họ mới nghe; nếu đức hạnh của mình có khiếm khuyết cho dù lời bạn nói có hay, có tốt cách mấy, người ta nghe xong sẽ hoài nghi, không thể tin tưởng, không thể tiếp nhận. Thế nên trước khi độ chúng sanh thì phải thị hiện đức tướng trước.

Tiêu chuẩn của đức hạnh cũng không nhất định, phải coi hoàn cảnh hiện tiền, thời đại ngày nay, phần nhiều chúng sanh trong khu vực này phạm phải những lỗi lầm gì? Dựa trên những vấn đề này mà bắt tay vào thì mới có thể thu được hiệu quả. Hiện nay chúng sanh tâm tham nặng, ham muốn danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, Bồ Tát thị hiện thì đầu tiên phải buông bỏ danh văn lợi dưỡng, xả bỏ ngũ dục lục trần, phải bắt đầu từ chỗ này, đấy gọi là tự lợi lợi tha, thành tựu cho mình, cảm hóa chúng sanh. Nếu như chỉ là giảng kinh thuyết pháp, chính mình không thể nỗ lực đi làm, người khác nghe xong sẽ có nghi hoặc: Bạn nói hay như vậy nhưng tại sao chính bạn lại không chịu làm? Nói cách khác thì bạn sẽ không đạt được hiệu quả độ chúng sanh. Thế nên nhất định phải tự mình làm được, trước tiên phải đem nó làm cho được, rồi sau đó bạn mới nói, vậy thì người ta mới không còn lời nào để nói. Thấp hơn là ta nói trước rồi sau đó chính mình cũng có thể làm được, phải thực hiện.

Hiện nay chúng sanh phiên não nặng, đã mất gốc rồi, nhà Nho cũng hiểu *“gốc được lập, đạo sẽ sanh”*¹, quên mất bản, như vậy làm sao được? Bản là gì? Địa Tạng Bồ Tát nguyện, bản là *“hiếu thuận cha mẹ, phụng sự sư trưởng”*, đấy là bản. Thế nên chúng ta phải đề xướng hiếu đạo, phải đề xướng *“tri ân báo ân”*, không phải chỉ nói nơi miệng mà thôi, chúng ta phải làm được. Hiện nay quan hệ giữa người với người chỉ nhìn thấy lợi hại, hôm nay đối với tôi có lợi thì chúng ta là bạn bè, tôi cung kính bạn, nịnh hót bạn, ngày mai hết lợi rồi thì

¹

biến thành người xa lạ, không quen biết nữa. Nếu có xung đột trong quyền lợi thì sẽ là kẻ thù, đây là xã hội gì vậy? Nếu như muốn xã hội này không loạn, không thể nào được!

Đề xướng hiếu đạo, đề xướng kỷ niệm tổ tiên, hiện nay trong Phật môn còn làm, Thanh Minh cúng tổ tiên, Trung Nguyên, Đông Chí cúng tổ tiên, một năm có ba ngày lễ trọng đại cúng tế tổ tiên, đề xướng hiếu đạo. Cả đời tôi phước mỏng, đời trước chẳng tu phước, như nhà Phật nói “tu huệ không tu phước”, nhưng tôi vẫn chưa đến nỗi “La-hán trì bình bát trống không”, tôi vẫn chưa đến mức độ này, vẫn có thể miễn cưỡng duy trì no ấm. Nếu như tôi có phước báo to lớn, nói cho chư vị biết tôi sẽ không xây chùa chiền, tôi sẽ xây “tử đường” đề xướng hiếu đạo. Tôi nói lời này đã mấy chục năm, hy vọng có thể xây tử đường, xây “tông từ” trăm họ, mỗi năm vào ba ngày lễ này cử hành tế lễ long trọng, ở trong đây tuyên dương “hiếu thân”. Hiện nay tế lễ hoàn toàn trở thành hình thức, rất đáng tiếc. Thí dụ chúng ta nói Thanh Minh, Trung Nguyên, Đông Chí cúng tổ tiên, ngày lễ cúng tế nên kéo dài bảy ngày. Bảy ngày, mấy ngày đầu là giảng giải hiếu đạo, biểu dương hiếu đạo, một ngày sau cùng này mới cử hành nghi lễ, như vậy mới có ý nghĩa. Bằng không mà nói thì chỉ làm đầy đủ trên hình thức, còn hiếu là gì? Ý nghĩa của hiếu ở đâu? Không biết, như vậy rất khó đạt được hiệu quả.

Quốc gia chúng ta chọn ngày khánh đản của Khổng Tử làm lễ giáo sư, đây là để kỷ niệm thầy giáo, mỗi năm có một ngày. Ngày nay, phạm khi tế lễ cũng nên tổ chức bảy ngày, để nói rõ tại sao phải tu hiếu đạo? Tại sao phải coi trọng sư đạo? Phải nói rõ ràng, nói sáng tỏ cho xã hội đại chúng biết thì buổi tế lễ này mới có ý nghĩa, mới không đến nỗi chỉ rơi vào trên hình thức mà thôi. Cho đến một số nghi thức bình thường trong nhà Phật chúng ta, thí dụ sau khi Tịnh Tông Học Hội thành lập, Quán Trưởng đề xướng Phật sự Tam Thời Hệ Niệm, cho nên chúng ta đem Tam Thời Hệ Niệm giảng kỹ càng tường tận qua một lượt. Trước khi cử hành Tam Thời Hệ Niệm nhất định phải giảng qua Tam Thời Hệ Niệm. Muốn lạy Lương Hoàng Sám nhất định phải đem Lương Hoàng Sám giảng rõ ràng tường tận từ đầu đến cuối, giảng rõ ràng, sáng tỏ; sau đó mọi người đi bái sám thì tâm ấy mới tương ứng, mới có thể đạt được hiệu quả. Nếu đối với *lý, sự, cảnh giới* trong ấy cái gì cũng không biết, chỉ y theo cách thức ấy mà làm sẽ không đạt được hiệu quả. Thế nên pháp sám hối này của người xưa đích thật là có công dụng không thể nghĩ bàn; người hiện nay, chúng ta tu pháp sám hối này xem thấy không hiệu quả! Đạo lý ở chỗ này. Nếu như người nào cũng hiểu rõ những lý luận, cảnh giới này thì không cần phải giảng giải, chỉ làm theo nghi thức này thôi cũng được! Người hiện

đại ai nấy đều không biết, đối với những nghi thức này cũng không hiểu, vậy thì nhất định phải tham gia lớp học trước.

Pháp thế gian và xuất thế gian đều phải xây dựng trên cơ sở của Hiếu đạo, nhà Nho Trung Quốc dùng hiếu đạo làm nền tảng, những điều nói trong “Lục Kinh” đều là chú giải cho Hiếu Kinh. Cùng một đạo lý, Phật pháp Đại thừa cũng được xây dựng trên cơ sở của Hiếu đạo, có thể nói hết thầy pháp của Thế Tôn giảng suốt bốn mươi chín năm đều là chú giải cho kinh Địa Tạng. Nếu chư vị thật sự có thể thâm nhập thì sẽ thể hội được ý nghĩa này,

Hai nguyện này kiến lập từ quán sát Tứ đế. Có thể quán sát Tứ đế là trí tuệ, có thể phát khởi đại nguyện này là từ bi; trí tuệ và từ bi đều xứng tánh, xây dựng từ tánh địa, đây gọi là bốn nguyện. Cho nên cũng giống như Bồ Tát, Bồ Tát dùng cái gì để giáo hóa chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh lìa khổ được vui? Bồ Tát dùng “đạo”, dùng “diệt”. Đạo này, chư Phật Như Lai quá khứ cũng là phàm phu, các Ngài đều từ phàm phu tu tập thành công; chư Phật Như Lai từ phàm phu tu thành Phật đạo, con đường này, đạo lộ này là con đường thành Phật. Các Ngài làm thế nào để tu thành công? Đem kinh nghiệm của họ, phương pháp của họ truyền trao cho những phàm phu còn chưa phát tâm, phàm phu còn mê hoặc điên đảo này, thế nên “*Pháp môn vô lượng thế nguyện học*”. Trước hết Bồ Tát làm ra tám gương tu học cho mọi người xem, nói với mọi người đây là con đường chánh, đây là chân lý, đây là hướng thụ cao nhất của đời người, bạn phải làm cho họ giác ngộ, để cho họ cùng bạn học tập.

Bắt đầu học từ đâu? Bắt đầu học từ “hiếu thân tôn sư”, pháp thế gian và xuất thế gian đều không ngoại lệ. Thế gian hiện nay hiếu đạo không có người đề xướng, Dần dần sẽ bị tiêu diệt mất, sẽ bị quên mất. Mà *su đạo* là xây dựng trên cơ sở của hiếu đạo, họ không biết hiếu đạo thì làm sao biết đến “tôn sư trọng đạo” được đây? Đây là chuyện không thể xảy ra. Thế nên ngày nay chúng ta thấy học sinh không tôn trọng thầy giáo cũng chẳng lấy làm lạ, nếu bạn trách mắng các em thì chính bạn sai rồi. Xem việc bất hiếu cha mẹ, bất kính sư trưởng như một hiện tượng bình thường, hiện nay là thời đại như vậy. Nếu thấy được một người biết “hiếu thân tôn sư” thì đó là rất không bình thường, nói cách khác thì đó không phải là người phàm. Ai dạy người ấy? Không có người dạy, không người dạy mà họ tự biết, đó không phải là người tái lai thì là người gì? Người ấy không phải là phàm phu, hay nói cách khác đây là Phật, Bồ Tát tái lai ứng hóa đến, phàm phu nhất định làm không được. Phàm phu khi bạn dạy họ, họ còn không thể tiếp nhận thì làm sao họ tự động làm được!

Ngày nay chư Phật, Bồ Tát ứng hóa đến thế gian này sanh lòng đại từ mẫn, không những bạn không kính trọng họ, mà còn hủy báng, chà đạp, sỉ nhục họ, đây đều là [hoàn cảnh] sóng to gió lớn, Phật, Bồ Tát ứng hóa trong đó vẫn như như bất động, tại sao vậy? Bốn nguyện của các Ngài là từ chân tâm bốn tánh kiến lập nên. Bất luận bạn chà đạp như thế nào, Phật, Bồ Tát thị hiện đến cuối cùng, kiểu gì cũng có một ngày bạn sẽ giác ngộ, bạn sẽ hối lỗi, việc này phải dùng thời gian dài để cảm hóa chúng sanh. Phật, Bồ Tát biết hết thấy chúng sanh nhất định sẽ được cảm hóa, nhưng vì nghiệp chướng, tập khí của họ quá nặng, không phải trong thời gian ngắn mà họ có thể giác ngộ được, cần phải có một thời gian dài, cần phải được dạy dỗ lâu dài liên tục, thì họ mới cảm động, mới chịu quay đầu. Sau đó mới hết lòng nỗ lực học tập, đạt đến tiếp nối huệ mạng của Phật, giúp đỡ chúng sanh, thành tựu mục tiêu giáo học của chúng sanh.

“Hiếu thân tôn sư”, bốn chữ này là tánh đức, đức hạnh vốn sẵn có trong tự tánh. Nếu bạn minh tâm kiến tánh, bạn nhất định sẽ làm được rất viên mãn; nếu bạn làm không được là vì bạn chưa kiến tánh, bạn còn mê hoặc điên đảo. Duy chỉ có tánh đức mới có thể khai phát tự tánh, làm thế nào mới có thể minh tâm kiến tánh? Nhất định phải tánh tu mới có thể kiến tánh, người hiện nay tu học kiến tánh thì khó rồi. Bạn xem Lão pháp sư Đàm Hư trong cuốn “Niệm Phật Luận” mà chúng ta giảng, Ngài nói cả đời Ngài chưa từng thấy qua người minh tâm kiến tánh, không những chưa thấy qua, cũng chưa hề nghe nói đến. Ngài nói người tham thiền đạt được thiền định thì Ngài đã thấy qua. Tham thiền đạt được thiền định thì quả báo là sanh đến trời Tứ thiên, việc này đã là siêu lắm rồi nhưng không thể xuất tam giới. Tham thiền phải minh tâm kiến tánh mới ra khỏi tam giới được. Nếu như không thể minh tâm kiến tánh, thì không ra khỏi tam giới. Đây chính là lời của Ngài nói, Chúng ta ở trong thời đại này tham thiền không bằng niệm Phật, niệm Phật có thể đời nghiệp vãng sanh, vãng sanh là thoát khỏi tam giới; không những thoát tam giới, mà còn thoát khỏi thập pháp giới. Ngài là tổ sư tông Thiên Thai, Ngài niệm Phật vãng sanh, lúc vãng sanh ngồi mà ra đi, rất hiếm có. Lịch đại tổ sư tông Thiên Thai người niệm Phật vãng sanh rất nhiều, có lẽ là chịu ảnh hưởng của Đại sư Trí Giả, Đại sư Trí Giả là niệm Phật vãng sanh. Những tổ sư về sau cũng đều niệm Phật, tuy tu Chỉ quán nhưng không xả niệm Phật, thật sự đạt được lợi ích vẫn là niệm Phật. Nhưng tu học Chỉ quán có thể nâng cao phẩm vị vãng sanh, đây là sự thật. Người xưa thường nói “Thiền Tịnh song tu”, tông Thiên Thai đích thật là như vậy, đó thật là Thiền Tịnh song tu.

Thế nên hiếu đạo rất trọng yếu, rất quan trọng! Lúc trước trong các buổi giảng chúng ta cũng thường nói đến chữ “hiếu” này, cái phù hiệu này chính là

đại biểu cho chân tâm bốn tánh của chúng ta. Chỗ hoàn mỹ của văn tự Trung Quốc ở trên thế giới rất hiếm thấy, chữ này là chữ hội ý, để cho bạn nhìn thấy chữ liền thể hội được ý nghĩa trong ấy, ý nghĩa của phù hiệu này. Bên trong chữ hiếu nửa phía trên là chữ “lão”, nửa phía dưới là chữ “tử”, hai chữ này gộp lại thành chữ “hiếu”; đây là đời trước và đời sau cùng là một thể, bốn ý của chữ hiếu là ở chỗ này. Đời trước còn có đời trước nữa, quá khứ vô thí; Đời sau còn có đời sau nữa, vị lai vô chung; vô thí vô chung là một thể, đây là nói theo chiều dọc. Có chiều dọc thì đương nhiên sẽ có chiều ngang, thế nên phù hiệu này trên thực tế đại biểu cho cái gì? Trong Phật pháp có câu: *“Dọc cùng khắp ba đời, ngang trọn khắp mười phương”* Mười phương, ba đời là một chẳng phải hai, nói cách khác, mười phương, ba đời là chính mình, đây không phải là pháp thân nói trong Phật pháp hay sao! Pháp thân chính là nói mười phương, ba đời là một chẳng phải hai.

Chữ “hiếu” này trong Phật pháp chính là “pháp thân lý thể”, thế và xuất thế gian hết thảy các pháp đều là từ cái thể tánh này, đều là từ hiếu sanh ra, nếu không hiếu thì làm sao được! Hiếu chính là nhất tâm, hiếu chính là nhất chân, hiếu chính là pháp giới, chúng ta là người tu học Đại thừa đối với điều này không thể không biết. Thế nên tu học lấy nó làm căn bản, lấy nó làm nền tảng, từ đó sanh ra đại từ, đại bi, chính là pháp môn Quán Âm. Mọi người biết Quán Âm thiên thủ thiên nhãn, ngàn tay ngàn mắt này tiêu biểu cho cái gì? Tiêu biểu cho “mắt tới thì tay tới”. Nhìn thấy chúng sanh có khổ thì lập tức đi giúp đỡ họ, thiên thủ thiên nhãn tiêu biểu cho ý nghĩa này. Quán Thế Âm Bồ Tát thiên thủ thiên nhãn, Văn Thù Bồ Tát có thiên thủ thiên nhãn hay không? Phổ Hiền Bồ Tát có thiên thủ thiên nhãn hay không? Ở trong Phật đường của chúng ta, hai bên cúng Văn Thù, Phổ Hiền đều là thiên thủ thiên nhãn, Địa Tạng Bồ Tát cũng là thiên thủ thiên nhãn, bất cứ một tôn Phật, Bồ Tát nào cũng là thiên thủ thiên nhãn. Thiên thủ thiên nhãn tiêu biểu cho mắt tới thì tay tới, tiêu biểu cho ý nghĩa này, không phải là một ngàn cái tay, một ngàn con mắt, thật ra chính là người thế gian chúng ta thường nói hai tay vạn năng, chính là ý nghĩa này; quán sát nhập vi hai tay vạn năng, tiêu biểu cho ý nghĩa này. Đây là để cho chúng ta trong đời sống sinh hoạt phải nên học theo.

Đối với chúng sanh, mục tiêu cuối cùng của sự giúp đỡ chúng sanh, thông thường nói mục tiêu này có ba thứ. Mục tiêu thấp nhất là giải quyết khó khăn trước mắt của chúng sanh, giúp họ đời này có thể trải qua một đời sống hạnh phúc mỹ mãn, đây là mục tiêu gần, bậc thấp. Mục tiêu bậc trung Là phải giúp cho họ đời sau vẫn còn được phước, không thể nói một đời này hưởng phước, đời sau đọa tam ác đạo, vậy thì đáng thương, vậy là sai lầm. Đời này hưởng phước, đời sau tiếp tục vẫn phải hưởng phước, càng hy vọng phước

báo đời sau phải lớn hơn đời này, thù thắng hơn đời này, đây là mục tiêu bậc trung. Về lâu dài thì mục tiêu cao nhất của việc độ chúng sanh là giúp cho họ chứng được “Vô thượng Bồ-đề” viên mãn, nói cách khác là giúp họ thành Phật, mục tiêu này mới thật sự đạt đến viên mãn. Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, tại sao đặc biệt tán thán pháp môn Tịnh độ. Vì ba cái mục tiêu nói trên, tất cả đều hàm nhiếp trong pháp môn Tịnh độ, chân thật mà nói đây là đại viên mãn. Thế nên hết thảy chư Phật tán thán A Di Đà Phật, tôn Ngài là “*Ánh sáng tôn quý nhất, vua trong các vị Phật*”, tức là Ngài giáo hóa chúng sanh, độ chúng sanh, ba mục tiêu đều viên mãn. Hơn nữa, đích thật Tịnh tông dạy người là kiến lập trên nền tảng của Hiếu kính.

“Tịnh nghiệp tam phước” ở trong Quán Kinh, vừa mở đầu liền dạy chúng ta “*hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng*”. Người thời xưa hiểu được cho nên làm cha mẹ dạy con cái thì việc nào là quan trọng nhất? “*Tôn sư trọng đạo*”, họ không dạy gì khác. Thầy giáo dạy học sinh quan trọng bậc nhất chính là “*hiếu thuận cha mẹ*”. Thế nên một đứa trẻ từ nhỏ tiếp thu sự giáo dục như vậy, tập từ nhỏ thì sẽ thành thói quen, tưới tắm từ nhỏ, dạy dỗ từ nhỏ, trong tâm địa của chúng, trong *a-lại-da thức* của chúng mọc gốc rễ vững chắc, vĩnh viễn không thay đổi, chúng có thể tận hiếu. Hiếu bao gồm hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian, ở chỗ này không thể nói kỹ. Ở nhà có thể hiếu thảo cha mẹ, thương yêu anh em, đây chính là hiếu, có thể báo ân quốc gia chính là trung. Thế nên trong tám đức: “*Hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si*”, hiếu là căn bản, bảy đức còn lại đều là hiếu biểu hiện trên các sự tướng khác nhau rồi lập nên danh tướng, kỳ thật chỉ là một chữ hiếu mà thôi.

Trong Phật pháp thì Tam học, Tứ nhiếp, Lục độ, vô lượng vô biên pháp môn đều là một chữ “hiếu”, chánh pháp thế gian và xuất thế gian nhất định được xây dựng trên nền tảng của hiếu đạo. Khi xây dựng một đạo tràng, đại chúng cùng nhau tu tập, tại sao bộ kinh đầu tiên phải giảng là kinh Địa Tạng? Cơ sở vật chất của đạo tràng tức là phòng ốc, thiết bị đã xây xong, sau khi chúng ta xây dựng được cơ sở vật chất thì phải xây cơ sở tinh thần, tức là xây dựng tâm lý. Tâm chánh thì hạnh chánh, sẽ tương ứng với đạo, tương ứng với tâm tánh, tương ứng với chân tướng của vũ trụ nhân sanh.

Chỗ đặc biệt thù thắng của kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên, Hiếu đạo bắt đầu làm từ chỗ độ mẫu thân, trong thế gian người thân thiết nhất là mẹ, người cha còn kém hơn một chút. Một đứa bé ra đời, thời thời khắc khắc không rời xa vòng tay của người mẹ, nhận được sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, ân đức đó không gì sánh bằng. Cho nên nói việc đầu tiên của hiếu thân đó là độ mẫu thân. Trong kinh này chúng ta thấy Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát chính là người tu học pháp môn Địa Tạng này, Địa Tạng Bồ Tát

không phải là một người. Phàm những ai tu học “hiếu thân tôn sư” thì người này chính là Địa Tạng Bồ Tát, phàm những ai tu học từ bi cứu độ hết thảy chúng sanh khổ nạn thì họ chính là Quán Thế Âm Bồ Tát. Chúng ta phải hiểu ý nghĩa này. Chúng ta phải một đời đầy đủ hết thảy [hạnh] Bồ Tát thì mới viên thành Phật đạo, đây chính là ý nghĩa chân chánh của “*Pháp môn vô lượng thế nguyện học*”. Chúng ta phải học *hiếu kính* của Địa Tạng, phải học *từ bi* của Quán Âm, phải học *trí tuệ* của Văn Thù, ngày nay chúng ta nói đến lý trí, phải học *thực tiễn* của Phổ Hiền Bồ Tát, đây không phải là một thân đầy đủ bốn đại Bồ Tát ư. Tứ đại Bồ Tát nếu phân tích kỹ hơn nữa chính là vô lượng vô biên hết thảy Bồ Tát, đây gọi là Pháp môn vô lượng thế nguyện học.

Từ chỗ này chư vị chắc cũng thể hội được, kinh Hoa Nghiêm, kinh điển Tịnh tông hay nói “*một tức là hết thảy*”, một pháp môn nhất định hàm nhiếp hết thảy pháp môn. Địa Tạng hiếu kính, trong hiếu kính đương nhiên có từ bi, trong hiếu kính có lý trí, hiếu kính thực tiễn, một Địa Tạng thì đầy đủ Quán Âm, Văn Thù, Phổ Hiền, không phải đều đầy đủ rồi sao? Phổ Hiền Bồ Tát thực tiễn, trong thực tiễn nhất định phải có hiếu hạnh, nhất định phải có từ bi, nhất định có trí tuệ, đó không phải là một Bồ Tát đầy đủ hết thảy Bồ Tát ư! Thế nên mới nói với bạn “*một là hết thảy, hết thảy là một*”, pháp pháp viên dung, pháp pháp vô ngại, như vậy bạn mới chân thật biết được Phật pháp không thể nghĩ bàn. Thế nên chúng ta ở đây xem thấy Ngài vì mẫu thân phát tâm, việc này thân thiết hơn bất cứ việc gì khác. Dạy cho chúng ta làm sao sanh khởi tâm hiếu thuận? Độ mẹ. Mẹ đối với chúng ta có ân đức lớn lao như vậy, bất luận chúng ta ở nơi đâu, ở lúc nào, niệm niệm không quên. Niệm niệm không quên trong tâm, vì muốn báo ân mẹ không những chúng ta không được làm việc sai, ngay cả một niệm ác cũng không được phép sanh khởi, tại sao vậy? Có lỗi với mẹ, đó không phải là kỳ vọng của mẹ đối với con cái. Mỗi năm tổ chức một buổi tế lễ, đó là để xướng hiếu đạo, phát triển hiếu đạo, dụng ý là ở chỗ này, là để làm lợi lạc cho người khác. “*Niệm niệm đều đoạn ác, niệm niệm đều tu thiện*”, đây là vì cái tâm hiếu đối với mẹ buộc chúng ta nhất định phải làm như vậy. Bạn nói sức mạnh của chữ hiếu này bao lớn! Thúc đẩy chúng ta trên đường Bồ-đề luôn luôn tinh tấn, không giải đãi.

Từ chỗ hiếu đối với mẹ làm cho chúng ta liên tưởng đến vị thầy dạy dỗ mình, không có thầy thì làm sao chúng ta hiểu được hiếu đạo, thế nên ân đức của thầy giáo không thể quên. Cụ Phác nêu ra bốn chữ “*Tri ân báo ân*”, Thế Tôn nói bốn chữ này trong kinh Đại Bát-nhã, là pháp môn tu học của Nhị địa Bồ Tát. Trong kinh Đại Bát-nhã nói Nhị địa Bồ Tát có tám khoa mục tu học chính, “*Tri ân báo ân*” là một trong tám khoa mục này. Trong thời đại ngày nay rất đáng được đề xướng, xã hội hiện nay người vong ân bội nghĩa rất nhiều,

vong ân bội nghĩa là tội hạnh, là lỗi lầm, khổ báo; tri ân báo ân là chánh hạnh, Bồ Tát hạnh, quả báo là lạc báo, không giống nhau. Ngày nay đại chúng trong xã hội phạm phải những lỗi lầm gì, chúng ta phải hướng vào những lỗi lầm đó để chỉ dạy hơn nữa, giúp đỡ hơn nữa, như vậy mới đúng. Cho nên vì mẹ mà phát tâm, như vậy rất thân thiết, cách giáo học này làm cho chúng ta thể hội được trí tuệ cao độ của Thế Tôn, viên mãn trí tuệ, vô cùng phương tiện thiện xảo, phương tiện thiện xảo đạt đến mức cực điểm, làm cho chúng ta nghe đến, tiếp xúc đến, không thể không tin, không thể không học. Hết thấy những thiện pháp, hết thấy những thiện hạnh đều là từ hiếu thuận mẫu thân cứu độ mẫu thân mà sanh ra, đây chân thật là căn bản. Chánh hạnh của chúng ta trên đường Bồ-đề, thành tựu càng thù thắng, thì đối với việc hiếu kính mẫu thân càng thêm viên mãn. Thế nên tôi thường nói chỉ có một người hành hiếu đạo đạt đến cứu cánh viên mãn, thành Phật; Phật quả trong Viên giáo, đây là đạt đến cứu cánh viên mãn. Đẳng giác Bồ Tát vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, hiếu đạo còn khiếm khuyết một phần.

Tại sao chúng ta phải phát tâm độ chúng sanh? Tại sao phải phát tâm đoạn phiền não? Tại sao phải phát tâm học pháp môn, thành Phật đạo? Vì báo ân mẹ. Nếu chúng ta không làm như vậy thì có lỗi với cha mẹ, đặc biệt là đối với mẹ. Chánh giáo đại pháp của Như Lai kiến lập trên cơ sở này, thế nên “tứ hoàng thệ nguyện” là nguyện chung, bốn nguyện của hết thấy chư Phật Như Lai. Địa Tạng Bồ Tát đặc biệt dùng “bi tâm vô cùng” hướng về chúng sanh khổ nạn, chúng sanh chịu khổ nạn càng nhiều, thì bi tâm của Bồ Tát càng nặng, thế nên trong kinh xưng Ngài là “vĩnh viễn làm U Minh giáo chủ”. U Minh là địa ngục, thệ nguyện của Bồ Tát “*địa ngục chưa trống không, thể chẳng thành Phật*”, bi tâm đạt đến cực độ. Chỗ khổ nạn ở địa ngục này, những người thông thường chẳng chịu đến, người ta không chịu đến nhưng Ngài đến; người khác chẳng bằng lòng chịu khổ nạn nhưng Ngài sẵn sàng chịu. Ở trong địa ngục nhất định phải hiện thân đồng loại với họ, nếu không hiện thân đồng loại thì làm sao chúng sanh giác ngộ! Phải tu hạnh đồng loại, chúng sanh trong địa ngục chịu những sự khổ đó, Bồ Tát ở trong cũng phải thị hiện chịu đựng những sự khổ đó, không thể đặc thù, không được ngoại lệ, như vậy mới có thể cảm hóa chúng sanh trong địa ngục [để họ] giác ngộ, sám hối quay về. Thế nên nhận chịu khổ nạn, đại từ đại bi, đây là bốn nguyện của Địa Tạng Bồ Tát, khiến cho người tu học Đại thừa sơ phát tâm như chúng ta muốn học Địa Tạng Bồ Tát. Hôm qua tôi nêu lên với chư vị, chữ “U Minh” còn có một nghĩa khác là “khiêm tốn hạ mình”, vĩnh viễn ở vị trí thấp hơn người khác, hết lòng nỗ lực tu học giáo hóa chúng sanh, danh văn lợi dưỡng hết thấy hưởng thụ đều dâng hiến cho người khác, tự mình vĩnh viễn ở nơi thấp kém, đây là ý nghĩa của U Minh. Biệt đề của đề kinh giới thiệu đến chỗ này.

b. THÔNG ĐỀ:

Phía sau có chữ “kinh”, Kinh là thông đề. Hết thầy pháp của chư Phật Như Lai nói, chúng ta đều tôn xưng là “kinh”. Cách xưng hô này là thuận theo tập quán của người Trung Quốc, lúc Phật pháp chưa truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc đối với lời giáo huấn của cổ thánh tiên hiền đều xưng là kinh. Như nhà Nho có “*Thập Tam Kinh*”, Đạo gia Lão Tử tôn xưng là “*Đạo Đức Kinh*”, Trang Tử tôn xưng là “*Nam Hoa Kinh*”, đối với lời dạy của cổ thánh tiên hiền đều gọi như vậy. Sau khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc tôn kính Phật pháp, nên cũng gọi là kinh điển. Căn cứ vào sự giải thích trong kinh điển, nguyên văn của Phạn văn gọi là tu-đa-la. Nghĩa của tu-đa-la vốn là sợi chỉ, vì thời xưa kinh Phật được viết trên lá bối, viết xong khoét lỗ ở hai đầu rồi dùng dây xỏ lại, thế nên mới gọi là tuyền (tuyền là chỉ). Người Trung Quốc không tôn trọng chữ “tuyền” này nên họ tôn xưng là kinh.

Trong chữ “tu-đa-la” có những ý nghĩa gì? Thông thường mà nói có năm ý nghĩa.

Ý nghĩa thứ nhất là “dũng tuyền”, giống như nguồn nước từ trong lòng đất vọt ra, cái ý nghĩa này chính là những điều Phật nói ra nghĩa thú vô cùng vô tận; hiện nay chúng ta gọi là rất có sức nhiếp thọ, càng đọc càng có đạo vị. Không giống như văn tự của người thế gian, Văn tự thế gian, nếu chư vị xem báo, tạp chí, xem một lần thì sẽ không muốn xem thêm lần thứ hai, tại sao? Xem một lần thì hết hứng thú rồi, mùi vị chẳng còn nữa, rất nhạt nhẽo, không nồng. Những tác phẩm văn học hay của thế gian, mọi người đều thích xem, thích đọc, nhưng nếu đọc đến mười lần, hai mươi lần, ba mươi lần thì không muốn đọc nữa, mùi vị của những cuốn này thì nồng hơn báo chí, tạp chí rất nhiều, nồng đến mức bạn có thể xem mười mấy lần, mấy chục lần. Nhưng kinh điển thì không giống như vậy, mùi vị của kinh điển vĩnh viễn sẽ không bao giờ phai nhạt, chúng ta có thể làm so sánh. Những tác phẩm văn học nổi tiếng ở Trung Quốc, bốn tiểu thuyết lớn: Tây Du Ký, Thủy Hử Truyện, Tam Quốc Diễn Nghĩa, Hồng Lâu Mộng, đây là bốn tiểu thuyết văn nghệ nổi tiếng của Trung Quốc, bạn có thể xem bao nhiêu lần? Xem mười lần, hai mươi lần thì sẽ không muốn xem nữa. Nói cho chư vị biết tôi đã xem mười mấy, hai mươi lần, đó là lúc tôi còn đi học. Cuốn sách dày như vậy tôi nói cho chư vị đồng học nghe, cuốn sách này tôi xem từ đầu đến cuối lâu lắm là một tuần. Từ lớp bốn tiểu học tôi bắt đầu xem tiểu thuyết văn nghệ cổ điển Trung Quốc, tôi xem đến lớp sáu thì không xem nữa, những thứ này hết mùi vị rồi. Nhưng *Tứ Thư*, *Ngũ Kinh*, *Cổ Văn* bạn đọc từ tiểu học đến lúc râu tóc bạc phơ vẫn còn mùi vị, vẫn còn đạo vị sâu sắc, không giống tiểu thuyết, ý vị vô cùng tận. Mùi

vị của kinh Phật càng nồng hơn nữa, nếu như chư vị có thể khế nhập vào kinh điển Đại thừa của Phật, thì sẽ chẳng muốn xem điển tịch thế gian nữa. Trước kia khi tôi mới đi học, đối với tâm lý học rất có hứng thú, tôi đã tìm được không ít sách tâm lý học, những tác phẩm nổi tiếng này là của Trung Quốc và ngoại quốc, nhưng chưa xem hết. Sau này tiếp xúc đến Phật pháp, tiếp xúc đến Pháp Tướng Duy Thức trong Phật pháp, xem xong rồi so sánh hết thầy tâm lý học trên thế giới với Pháp Tướng Duy Thức, thì sự khác biệt đó quá xa. Mùi vị của Phật pháp nồng hậu, giống như nguồn nước vọt ra từ lòng đất.

Ý nghĩa thứ hai là “xuất sanh”, có thể sanh ra hết thầy thiện pháp vi diệu. Thế nên sau khi đọc kinh Phật xong, tâm của bạn thiện, hạnh của bạn tự nhiên sẽ thiện, dẫn khởi tánh đức của bạn hiển lộ, cho nên cái thiện này chẳng phải học mà có.

Ý nghĩa thứ ba là “thằng mặc”, thằng mặc dùng lời nói hiện nay để nói, nó là tiêu chuẩn phân định giữa chân - vọng, tà - chánh, thị - phi, thiện - ác, lợi - hại, là tiêu chuẩn tuyệt đối. Thằng mặc là thí dụ, có lẽ ở Trung Quốc hiện nay vẫn còn, thợ mộc lúc cưa cây dùng một sợi dây đen có phết mực gạch lần, sau đó cưa theo lần mực này; hiện nay người phương Tây đã không còn dùng cách này, ý nghĩa của nó chính là tiêu chuẩn.

Ý nghĩa thứ tư là “hiển thị”, nó có thể hiển thị chân lý.

Ý nghĩa thứ năm là “kết man”, kết man nghĩa là thông suốt chư pháp, nếu dùng cách nói của chúng ta hiện nay chính là khoa phán, cách học chương cú; tổ chức văn tự của nó từ khởi đầu cho đến kết thúc một mạch tiếp nối, có thứ tự rành mạch, là ý nghĩa này. Kết cấu văn tự nghiêm chỉnh, hệ thống tư tưởng thì rất rõ ràng. Tu-đa-la có năm ý nghĩa trên đây.

Còn có nhiều ý nghĩa, như Đại sư Thanh Lương trong kinh Hoa Nghiêm đã nói mười ý nghĩa, Hoa Nghiêm dùng số mười đại biểu viên mãn. Nhưng thông thường chúng ta giải thích ý nghĩa của kinh hơn phân nửa là dùng bốn chữ “quán, nhiếp, thường, pháp” để giải thích, giảng rộng ra cũng rất hoàn hảo. “Quán” chính là xuyên suốt, có nghĩa như kết man, chính là cách thuyết pháp của Phật rất có thứ tự, rất có lớp lang, rõ ràng mạch lạc, đây là cách học khoa phán. Giới học thuật ở Trung Quốc thời kỳ sau này có môn học chương cú, thật ra cách học chương cú chính là cách học khoa phán từ trong kinh Phật biến đổi thành, Phật pháp ảnh hưởng rất sâu sắc đối với giới học thuật Trung Quốc. Cách học này cũng là từ trong kinh Hoa Nghiêm mà học được. Đây là ý nghĩa của chữ “quán”.

“Nhiếp” nghĩa là nhiếp thọ, chính là ý nghĩa của “dũng tuyên” vừa mới nói, trong đây mùi vị vô cùng tận, có thể nhiếp thọ nhân tâm, làm cho bạn

tiếp xúc đến, sau khi đọc rồi muốn bỏ xuống cũng không được, bạn sẽ vô cùng hoan hỷ, nó có sức mạnh như vậy. Hơn nữa pháp vị này vĩnh viễn chẳng giảm bớt, càng thâm nhập thì càng nồng hậu, đây là điều mà bất cứ sách vở nào trong thế gian cũng không làm được, kinh có sức nhiếp thọ nồng hậu như vậy. “Thường” nghĩa là lý luận và phương pháp nói trong kinh vĩnh viễn không thay đổi, siêu việt thời gian và không gian. Thời xưa, ba ngàn năm trước tuân theo những lý luận và phương pháp này tu học được thành tựu, ngày nay là ba ngàn năm sau, người bây giờ dùng những phương pháp, lý luận này, cũng có thể thành tựu, siêu việt thời gian. Thời xưa người Ấn Độ dùng phương pháp này có thể thành tựu, hiện nay người Trung Quốc dùng phương pháp này cũng có thể thành tựu, siêu việt không gian. Những tác phẩm siêu việt thời gian và không gian là chân lý. “Pháp” chính là pháp tắc, quy củ, y chiếu theo phương pháp này tu hành, thì bạn nhất định thành công. Kinh điển đầy đủ bốn ý nghĩa “*quán, nhiếp, thường, pháp*”. Chúng ta giới thiệu đề kinh đến chỗ này, đề mục của kinh hợp lại là “Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh”.

Chúng ta y theo lý luận và phương pháp của bộ kinh này tu học, thành tựu pháp môn Địa Tạng cho mình. Lấy cái này làm nền tảng mới có thể xây dựng hết thảy Phật pháp Đại thừa, xây dựng pháp môn Tịnh độ; lia khỏi cái nền tảng này, nói cho chư vị biết bất luận Phật pháp gì hết thảy đều không thể xây dựng. Tất cả pháp Đại thừa, pháp môn Tịnh độ đều được kiến lập trên nền tảng này, rời khỏi nền tảng này thì chẳng còn Phật pháp, một điểm này quan trọng hơn bất cứ thứ gì. Thế nên chân chánh học Phật, hy vọng chính mình ngay trong đời này có thể thành tựu, vậy thì pháp môn này không thể không xem trọng, không thể không hết lòng tu học. Cổ đức trước khi giảng kinh còn có phần Huyền Nghĩa, nội dung trong huyền nghĩa cũng mỹ mãn vô cùng, vì thời gian có hạn nên chúng ta phải lược bớt phần này, mà hình như trước kia tôi cũng có giảng qua. Có lưu lại bằng âm hay không tôi cũng không nhớ rõ lắm, tài liệu lưu lại cũng rất nhiều, nếu như có thì chư vị có thể tìm để tham khảo.

c. NHÂN ĐỀ

Kế tiếp chúng ta xem “nhân đề”, chính là người phiên dịch kinh này.

Đời Đường, người nước Vu Điền, Tam tạng Sa-môn Thật Xoa Nan Đà dịch.

Trong kinh Phật, người phiên dịch rất quan trọng, [ghi rõ tên người dịch] là để cho chúng ta sanh khởi tín tâm. Kinh Phật được dịch từ Phạn văn

của Ấn Độ, là những lời của đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói lúc Ngài còn tại thế. Nói rõ kinh không phải là ngụy tạo, không phải do “giá cơ phù loan”, không phải thần tiên giáng xuống [nói ra], những thứ này không thể làm cho người ta tin được. Chuyện phù loan này lúc tôi còn nhỏ, hình như là lúc học tiểu học, ở Phúc Kiến, tôi thấy được ở Phúc Kiến phong khí phù loan rất thịnh, thấy cách làm đó của họ tôi có thể tin. Bởi vì người phù loan, phù loan ở trên bàn cát, việc đó cũng rất cầu kỳ. Loan bút này cũng gọi là phù cơ, gọi là cơ bút; họ khắc một đầu rồng, khi đầu lưỡi của rồng hạ xuống chính là cây bút. Dùng một cái giỏ nhỏ, cũng được trang hoàng trông rất đẹp. Người phù loan hơn phân nửa là tìm một số người gánh nước, bán củi ở trên đường, lúc đó là trước thời kỳ kháng chiến, hầu như trong nhà không có nước máy, phải mua nước, có người chuyên môn gánh nước đi bán, những người này không biết chữ; còn có người bán củi nữa, họ không có học, không biết chữ. Cứ tùy ý tìm người nào đó ở trên đường đến nhờ họ phù loan. Cho nên những chữ viết trên bàn cát chúng ta ở bên cạnh đều biết được, họ viết rất ngay ngắn, không viết ẩu tí nào, từng nét từng nét viết ra, khoảng nửa tiếng đến một tiếng đồng hồ có thể viết mấy chục chữ, xong rồi người ta chép những chữ này lại. Đối với việc đó tôi rất tin tưởng, bởi vì bản thân họ không biết chữ, đặc biệt là không phải người cố định, mà ngẫu nhiên tìm đến, tôi rất tin. Còn ở Đài Loan nhìn thấy những việc phù loan ấy thì tôi không tin. Tại sao? Người phù loan là một người nhất định, cố định một người nào đó. Hơn nữa khi bàn cơ vừa chuyển động thì những chữ trong ấy chúng tôi xem một chữ cũng không nhận ra. Còn trong vòng nửa tiếng đồng hồ miệng họ đọc ra cả một, hai ngàn chữ, bởi vì tôi xem thấy việc đó nên tôi không tin. Nói chung đó là ngụy tạo, chẳng phải thật. Kinh Phật không phải là những loan bút của quý thân, đích thật là được phiên dịch ra từ Phạm văn Ấn Độ. Thế nên có ghi niên đại phiên dịch, nơi chốn phiên dịch, có người phiên dịch, đủ để chứng minh tính chân thật của kinh.

Trong này đề người dịch, triều đại là đại biểu cho thời gian, đây là đời Đường, thời đại triều Đường. Pháp sư phiên dịch chúng ta cũng phải biết. Thời xưa công việc dịch kinh chẳng do một người làm, cho nên có “dịch trường”. Dịch trường là do quốc gia xây dựng, chính là nơi để dịch kinh. Người tham gia công tác phiên dịch này rất nhiều, công việc ở trong đó cũng được phân phối rất kỹ càng. Người dịch là người chịu trách nhiệm ở dịch trường, giống như viện trưởng viện dịch kinh, Tất cả kinh dịch ra đều dùng tên của người này, người này chịu trách nhiệm; giống như vị trưởng quan trong một cơ quan, những người làm công tác [phiên dịch] có thể là người dưới quyền của vị này. Trong ấy có rất nhiều pháp sư, cư sĩ tham gia công tác dịch kinh; khi kinh được dịch xong, dùng tên của người này vì họ chịu trách

nhiệm. Cũng giống như tổ chức trong chính phủ, vị quan đứng đầu trong chính phủ, khi một người thị trưởng có những văn kiện muốn tuyên bố, thông báo đều do bí thư, trưởng phòng, nhân viên cấp dưới thay ông soạn thảo, ông thị trưởng xem qua bản thảo, chấp thuận rồi đóng dấu, ghi tên của ông ấy lên, ông ấy chịu trách nhiệm. Chúng ta phải hiểu việc này, không nhất định là chính ông phiên dịch.

Vị pháp sư này là người nước Vu Điền, Vu Điền hiện nay là Tân Cương, vào đời Đường là một nước nhỏ ở Tây Vực. Chỗ này nói rõ quê quán của pháp sư, ông là người nước đó, ông xuất hiện vào thời đại nào; Đường là đại biểu cho thời đại, Nước Vu Điền là đại biểu quê quán của ông. “*Tam tạng sa-môn*” là đại biểu cho trình độ học vấn của pháp sư. Thông thường gọi là “tam tạng pháp sư”, lão nhân gia, Ngài khách khí không dám xưng pháp sư, chỉ xưng là sa-môn. Sa-môn là một danh từ xưng hô rất khiêm tốn, nếu dùng ngôn ngữ hiện nay tức là “học sinh”, vẫn còn đang học tập, không dám xưng là thầy, chỉ xưng là học sinh, địa vị là bình đẳng với mọi người, mọi người đều là đồng học. “Tam tạng” chữ này nhất định phải thêm vào, nếu không thông đạt tam tạng thì không có tư cách dịch kinh, pháp sư dịch kinh nhất định phải thông đạt tam tạng thì mới có tư cách dịch kinh; Tam tạng là *kinh, luật, luận* người này đều phải thông suốt. “Sa-môn” là Phạn ngữ, thời xưa ở Ấn Độ phàm là người xuất gia đều xưng là sa-môn, không nhất định là Phật giáo. Những người xuất gia tu hành trong những tôn giáo khác như Bà-la-môn giáo, Du Già, Số Luận; chỉ cần xuất gia tu hành đều xưng là sa-môn. Sau khi danh xưng sa-môn được truyền đến Trung Quốc thì biến thành danh xưng chuyên dùng của những người xuất gia trong nhà Phật, ý nghĩa của chữ này là “*siêng tu giới, định, tuệ, diệt trừ tham, sân, si*”, như vậy thì xưng là sa-môn. Đây là cách xưng hô khiêm tốn của pháp sư.

“Thật Xoa Nan Đà” cũng là Phạn văn dịch âm, dịch sang tiếng Trung Quốc có nghĩa là “hỷ học”, hoan hỷ học tập. “Dịch” là phiên dịch, chữ này không nói nhiều nữa, là Đại sư Thật Xoa Nan Đà dịch ra bộ kinh này. Ở Trung Quốc pháp sư còn dịch một bộ hiện nay mọi người đều đọc tụng, chính là “Bát Thập Hoa Nghiêm”, tám chục quyển “Hoa Nghiêm” cũng là do lão nhân gia phiên dịch, thế nên Ngài đối với Phật Giáo Trung Quốc có cống hiến rất lớn. Ở nơi đây chúng ta đọc kinh, đối với đại ân đại đức của người truyền pháp này, chúng ta không thể quên, nếu không có Ngài phiên dịch thì chúng ta sẽ chẳng đọc được bộ kinh này. Không có tổ sư đại đức truyền qua nhiều đời thì chúng ta cũng chẳng có duyên gặp được kinh này, thế nên đối với lịch đại tổ sư chúng ta phải dùng tâm cảm ơn để đối đãi. Cảm ơn nhất định phải báo ân, báo ân tức là phải hết lòng nỗ lực học tập, đây mới là chân thật “*trên*

đền bốn ân nặng”; có thể báo ân, chắc chắn cũng có thể “dưới cứu độ ba đường khổ”, thế nên báo ân, độ khổ là một sự việc. Hạnh báo ân này của bạn làm cho người khác sau khi nhìn thấy, có thể sanh lòng cảm động, có thể giác ngộ, có thể quay đầu, sửa đổi lỗi lầm, thay đổi bản thân, thì sẽ đạt được hiệu quả chân thật của việc độ hóa chúng sanh.

Kinh văn của kinh này tổng cộng có mười ba phẩm, thứ nhất là phẩm tựa, nhưng tên của phẩm này gọi là “Đạo Lợi Thiên Cung Thần Thông Phẩm”. Trong phẩm kinh này đức Phật nói rõ cho chúng ta, Thích Ca Mâu Ni Phật biểu diễn cho chúng ta xem, Ngài ở thế gian này thị hiện tu học, thành đạo, dạy học, đó gọi là chuyển pháp luân, độ chúng sanh. Duyên phận giáo hóa chúng sanh sắp đến hồi kết thúc thì đức Phật phải thị hiện diệt độ, trước lúc ấy sẽ đặc biệt vì chúng ta thị hiện báo ân mẹ. Chúng ta thấy được ở trong kinh, sau khi đức Thế Tôn được sinh ra, mẹ của Ngài liền qua đời và sanh lên trời Đạo Lợi, cho nên Ngài nhất định phải lên cung trời Đạo Lợi vì mẹ mà thuyết pháp. Ở trên trời Đạo Lợi hết ba tháng, vì mẹ thuyết pháp, chính là thuyết bộ “Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh” này. Pháp hội trên cung trời Đạo Lợi kỳ này vô cùng thù thắng! Thế Tôn vì chúng ta nói ra nhân địa trong đời quá khứ của Địa Tạng Bồ Tát, những công án, nhân duyên của Ngài độ mẫu thân, chúng ta thường gọi là “chuyện xưa”. Hy vọng chúng ta nghe rồi sau đó có thể cảm động, học tập, noi theo Địa Tạng Bồ Tát, đặt nền móng vững chắc cho tu học Đại thừa, đây là nghĩa thú của phẩm kinh này.

Bây giờ chúng ta xem kinh văn. Đoạn mở đầu kinh văn:

Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Đạo Lợi thiên, vị mẫu thuyết pháp.

Đoạn mở đầu ở đây khác với những kinh khác. “Như thị ngã văn”, bốn chữ này nói đơn giản là do người kết tập kinh nói ra, do tôn giả A Nan nói ra. “Như thị” bộ kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên này là do “ngã”, ngã tức là tôn giả A Nan tự xưng, đích thân nghe Phật nói, không phải nghe người khác truyền lại. Giống như Lý Trưởng Giả trong [cuốn chú giải] kinh Hoa Nghiêm có nói tôn giả A Nan vì chúng ta giảng lại bộ kinh này, mỗi chữ mỗi câu đều giống như Phật nói, là lời Phật nói, nhất định không dám xen một tư hào ý kiến của mình ở trong ấy, đây là ý nghĩa của bốn chữ “như thị ngã văn”. “Nhất thời”, thật ra thời gian này rõ ràng phi thường, ba tháng trước khi đức Phật diệt độ. Nhưng vẫn là dùng chữ “nhất thời”, hay! Nhất thời là lúc có cảm ứng đạo giao, lúc thầy trò chí đồng đạo hợp, thế nên ý nghĩa của chữ “nhất

thời” vô cùng sâu sắc, vô cùng viên mãn! Nếu như ghi chép năm, tháng, ngày, giờ thì pháp môn này đã tính là qua rồi, sẽ không trở lại; nhất thời là một chữ sống động, nó không chết cứng. Giống như Đại sư Thiên Thai Trí Giả khi xưa Lão nhân gia đọc kinh Pháp Hoa, trong lúc không hay không biết thì Ngài nhập định, trong định Ngài nhìn thấy đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở núi Linh Thứu giảng kinh Pháp Hoa, Ngài còn ngồi nơi đó, nghe một chốc lát. Sau khi xuất định nói với người khác, pháp hội giảng kinh Pháp Hoa của Thế Tôn ở núi Linh Thứu còn chưa giải tán. Thật đó, cũng giống như Thế Tôn trong kinh Pháp Hoa nói: “*Thế gian tướng thường trụ*”.

Thời cận đại Einstein cũng nói quá khứ, hiện tại, vị lai tồn tại đồng thời. Hiện nay vấn đề ở chỗ nào? Làm sao đột phá thời gian quá khứ, hiện tại và vị lai? Hiện nay nhà khoa học đã biết quá khứ, hiện tại, vị lai tồn tại cùng lúc, nhưng không có phương pháp gì để đột phá. Nếu như đột phá được thì bạn có thể trở về quá khứ, và cũng có thể đi vào tương lai, hay nói cách khác chuyện gì trong quá khứ, vị lai bạn đều biết, bạn đều nắm được. Họ không biết dùng phương pháp gì để đột phá, muốn dùng máy móc khoa học [mà không được]. Nhưng trên thực tế Phật pháp của chúng ta dùng công phu thiền định, định lực của bạn càng sâu, thì bạn đột phá càng rộng. Cho nên chúng ta mới có thể biết được công phu thiền định của Đại sư Trí Giả có thể đột phá hai ngàn năm, thời đại đó của Ngài cách chúng ta hiện nay vào khoảng một ngàn bốn trăm năm, cách đức Phật Thích Ca Mâu Ni khoảng gần hai ngàn năm, cỡ một ngàn bảy, một ngàn tám trăm năm. Ngài có thể đột phá một khoảng thời gian dài như vậy, có thể nhìn thấy Thế Tôn còn đang thuyết pháp ở núi Linh Thứu, hiện nay người ta nói đi ngược thời gian, Ngài có thể đi về quá khứ, việc này chứng minh “nhất thời” có đạo vị. Nhất thời là lúc nhất tâm bất loạn, nhất tâm bất loạn chính là thiền định.

Hiện nay tại sao chúng ta không thể trở về quá khứ? Không thể đi vào tương lai? Tâm của chúng ta tạp loạn, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước quá nhiều, cho nên năng lực này liền mất đi. Chư vị phải biết được năng lực này là bản năng đáng lẽ có sẵn; bản năng đáng lẽ có sẵn hiện nay không còn nữa, bị mất rồi. Thế nên Phật dạy chúng ta tu thiền định, pháp môn Tịnh tông dạy chúng ta niệm Phật, nhất tâm bất loạn. Khi bạn đạt được nhất tâm bất loạn, thật ra mà nói là bạn đạt được “*sự nhất tâm bất loạn*” thì ba ngàn năm trước và ba ngàn năm sau không thành vấn đề, bạn nhất định sẽ biết. Nếu đạt được “*lý nhất tâm bất loạn*”, tận hư không trọn khắp pháp giới, chuyện quá khứ vị lai tất cả bạn đều biết hết, khả năng của bạn sẽ gần giống với chư Phật Như Lai. Thế nên “nhất thời” là chính xác, chữ này đáng được chúng ta tán thán. Tốt rồi, hôm nay chúng ta giảng đến đây thôi.